

TÓM TẮT HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC (RCEP)

Miễn trừ trách nhiệm: Đây là bản tóm tắt Hiệp định RCEP, trình bày các nội dung nổi bật của 20 Chương trong Hiệp định RCEP. Bản tóm tắt không nhằm giải thích các điều khoản cụ thể trong Hiệp định RCEP, do đó không ảnh hưởng đến bất kỳ giải thích hoặc ý kiến pháp lý nào có thể được yêu cầu trong quá trình thực hiện Hiệp định.

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) là một hiệp định nhằm mở rộng và làm sâu sắc hơn sự gắn kết giữa ASEAN và Australia, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và New Zealand. Tổng các nước tham gia RCEP chiếm khoảng 30% GDP toàn cầu và 30% dân số thế giới. Mục tiêu của Hiệp định RCEP là thiết lập một nền tảng quan hệ đối tác kinh tế hiện đại, toàn diện, chất lượng cao và cùng có lợi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thương mại và đầu tư trong khu vực, đồng thời đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế toàn cầu. Theo đó, Hiệp định sẽ mang lại cơ hội thị trường và việc làm cho doanh nghiệp và người dân trong khu vực. Hiệp định RCEP sẽ song hành và hỗ trợ một hệ thống thương mại đa phương cởi mở, bao hàm và dựa trên các quy tắc.

Các đặc điểm chính của Hiệp định RCEP

Hiện đại. Hiệp định RCEP là một hiệp định không chỉ được xây dựng cho hiện tại mà còn là một hiệp định cho tương lai. Hiệp định tổng hợp phạm vi của các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) ASEAN+1 hiện có (các FTA của ASEAN với năm đối tác đối thoại) và cân nhắc về những thực tiễn thương mại mới nổi hoặc đang thay đổi, bao gồm thời đại của thương mại điện tử, tiềm năng của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, sự phát triển sâu rộng của chuỗi giá trị khu vực và sự phức tạp của cạnh tranh thị trường. Hiệp định RCEP được xây dựng và bổ sung thêm dựa trên Hiệp định WTO, trong những lĩnh vực mà các Bên đã đồng ý cập nhật hoặc vượt ra ngoài các điều khoản của Hiệp định.

Toàn diện. Hiệp định RCEP là toàn diện, cả về phạm vi và chiều sâu của các cam kết. Về phạm vi, Hiệp định RCEP có 20 Chương và bao gồm nhiều lĩnh vực trước đây chưa được đề cập trong các FTA ASEAN+1. Hiệp định RCEP có các điều khoản cụ thể liên quan đến thương mại hàng hóa, bao gồm cả quy tắc xuất xứ; thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương

mại; các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá mức độ phù hợp; và phòng vệ thương mại. Hiệp định cũng đề cập đến thương mại dịch vụ, bao gồm các điều khoản cụ thể về dịch vụ tài chính; dịch vụ viễn thông; các dịch vụ chuyên nghiệp, và sự di chuyển tạm thời của các thể nhân. Ngoài ra, Hiệp định còn có các chương về đầu tư; sở hữu trí tuệ; thương mại điện tử; cạnh tranh; doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME); hợp tác kinh tế và kỹ thuật; mua sắm công; và các lĩnh vực thể chế pháp lý, bao gồm giải quyết tranh chấp. Về tiếp cận thị trường, Hiệp định RCEP đạt được tự do hóa trong thương mại hàng hóa và dịch vụ và mở rộng phạm vi cam kết về đầu tư.

Chất lượng cao. Hiệp định RCEP có các điều khoản vượt ra ngoài khuôn khổ các FTA ASEAN+1 hiện có, đồng thời ghi nhận mức độ phát triển và nhu cầu kinh tế riêng lẻ và đa dạng của các Bên tham gia RCEP. Hiệp định RCEP giải quyết các vấn đề cần thiết để hỗ trợ các Bên tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực, đồng thời bổ sung các cam kết tiếp cận thị trường với những quy tắc cho phép mở cửa thương mại và đầu tư, nhằm tạo thuận lợi cho kinh doanh đồng thời với duy trì các mục tiêu chính sách công hợp pháp. Hiệp định RCEP cố gắng thúc đẩy cạnh tranh bằng cách thúc đẩy tăng năng suất bền vững, có trách nhiệm và mang tính xây dựng. Ngoài ra, Hiệp định RCEP còn có giá trị khác là tập hợp một bộ quy tắc giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và mở rộng chuỗi cung ứng khu vực giữa các Bên.

Đôi bên cùng có lợi. Hiệp định RCEP bao gồm các quốc gia có trình độ phát triển đa dạng. Do đó, các Bên tham gia RCEP đã công nhận rằng sự thành công của Hiệp định sẽ được quyết định bởi khả năng mang lại lợi ích lẫn nhau của các bên. Hiệp định RCEP được thiết kế để đạt được mục tiêu này theo một số cách, bao gồm thông qua các hình thức linh hoạt phù hợp và các quy định về đối xử đặc biệt và khác biệt, cụ thể là đối với Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam, nếu thích hợp, và linh hoạt thêm cho các Bên kém phát triển. Ngoài ra, Hiệp định RCEP còn bao gồm hợp tác kỹ thuật và nâng cao năng lực để hỗ trợ việc thực hiện các cam kết, giúp các Bên tối đa hóa lợi ích có được từ Hiệp định này. Hiệp định RCEP cũng bao gồm các điều khoản đảm bảo rằng các nền kinh tế có trình độ phát triển

khác nhau, các doanh nghiệp có quy mô khác nhau và đối tượng khác rộng hơn đều có thể hưởng lợi ích từ Hiệp định.

Tóm tắt Hiệp định RCEP

Dưới đây là bản tóm tắt 20 Chương của Hiệp định RCEP. Các Phụ lục đính kèm theo Hiệp định hoặc các Chương sẽ liên quan đến thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, di chuyển tạm thời của thể nhân, quy tắc xuất xứ, thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại, phòng vệ thương mại, sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, mua sắm công và các quy định về thể chế.

Chương 1: Các Điều khoản Ban đầu và Định nghĩa Chung

Chương về Các Điều khoản Ban đầu và Định nghĩa Chung đưa ra các mục tiêu của Hiệp định RCEP, đó là thiết lập một quan hệ đối tác kinh tế hiện đại, toàn diện, chất lượng cao cùng có lợi, nhằm tạo thuận lợi cho việc mở rộng thương mại và đầu tư trong khu vực, đóng góp vào tăng trưởng và phát triển kinh tế toàn cầu, đồng thời có cân nhắc tới giai đoạn phát triển và nhu cầu kinh tế của các Bên, đặc biệt là đối với các Bên là nước kém phát triển. Chương này cũng bao gồm các định nghĩa chung.

Chương 2: Thương mại hàng hóa

Chương về Thương mại Hàng hóa đề cập tới các yếu tố chính chi phối việc thực hiện các cam kết liên quan đến hàng hóa nhằm đạt được mức độ tự do hóa thương mại cao giữa các Bên. Chúng bao gồm việc cấp phép đối xử quốc gia đối với hàng hóa của các Bên khác; giảm hoặc xóa bỏ thuế hải quan; miễn thuế nhập hàng tạm thời; tái khẳng định các cam kết trong Quyết định của Hội nghị Bộ trưởng WTO về Cạnh tranh xuất khẩu, bao gồm cả việc loại bỏ các quyền trợ cấp xuất khẩu theo lịch trình đối với hàng hóa nông nghiệp. Chương này cũng đưa ra các quy tắc để xác định việc áp dụng các biện pháp thuế quan, trong trường hợp một Bên áp dụng các mức ưu đãi thuế quan khác nhau. Ngoài ra, Chương này bao gồm các điều khoản về các biện pháp phi thuế quan bổ sung cho các cam kết tự do hóa thuế quan. Các điều khoản bao gồm việc loại bỏ chung các hạn chế định lượng, minh bạch hơn trong việc áp dụng các biện pháp phi thuế quan, quản lý các thủ tục cấp

giấy phép nhập khẩu và việc áp dụng các loại phí, thủ tục liên quan đến xuất nhập khẩu. Cuối cùng, Chương này cũng đưa ra quy trình để các Bên tiến hành tham vấn kỹ thuật về các biện pháp phi thuế quan có ảnh hưởng xấu đến thương mại, và cũng cung cấp khả năng thực hiện các công việc trong tương lai đối với các sáng kiến cụ thể của ngành, nhằm tạo thuận lợi lớn hơn cho thương mại.

Chương 3: Quy tắc xuất xứ (ROO)

Chương ROO xác định hàng hóa nào có xuất xứ theo Hiệp định RCEP và do đó đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế quan. Chương ROO có hai Phần: (i) Phần A: Quy tắc Xuất xứ và (ii) Phần B: Thủ tục Chứng nhận Hoạt động. Các điều khoản về Hàng hóa có xuất xứ và Hàng hóa có xuất xứ thuần túy và Phụ lục về Quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng (PSR) đưa ra các yêu cầu để xác định tình trạng xuất xứ của hàng hóa. Chương này cũng liệt kê các công đoạn gia công chế biến đơn giản mà hàng hóa sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ và trải qua các công đoạn này vẫn chưa đủ điều kiện để được xác nhận là có xuất xứ. Dựa trên cơ sở địa lý của các quốc gia trong RCEP, các Bên đảm bảo rằng Chương ROO bao gồm các quy tắc vận chuyển trực tiếp rõ ràng để hàng hóa có xuất xứ không bị mất đi trạng thái có xuất xứ một cách không phù hợp. Nếu một hàng hóa không đáp ứng được quy tắc chuyển đổi phân loại mã HS trong PSR, thì Chương này sẽ đưa ra các quy tắc tối thiểu nhất định để hàng hóa nếu đáp ứng được thì vẫn có thể duy trì tình trạng có xuất xứ.

Các yếu tố khác được đề cập trong Phần A: Quy tắc xuất xứ bao gồm các biện pháp áp dụng cho việc đóng gói, vật liệu đóng gói và thùng chứa để vận chuyển và gửi hàng, các biện pháp áp dụng cho các phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ. Phần B: Thủ tục Chứng nhận Hoạt động cung cấp các thủ tục chi tiết để xin chứng nhận xuất xứ của RCEP, yêu cầu ưu đãi thuế quan và xác minh tình trạng xuất xứ của hàng hóa. Một điểm cải tiến so với các FTA của ASEAN+1 đó là Hiệp định có đưa vào Mục tự chứng nhận xuất xứ của các nhà xuất khẩu được chấp thuận và việc tự chứng nhận xuất xứ của tất cả các nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất, mà cam kết đó sẽ được thực thi trong một khoảng thời gian nhất định sau ngày Hiệp định RCEP có hiệu lực đối với mỗi Bên, bên cạnh giấy chứng nhận xuất xứ

truyền thống. Chương ROO có hai phụ lục: (i) Quy tắc cụ thể về sản phẩm, bao gồm tất cả các dòng thuế ở cấp HS 6 chữ số; và (ii) Các yêu cầu thông tin tối thiểu, liệt kê thông tin cần thiết cho Giấy chứng nhận xuất xứ hoặc Tự chứng nhận xuất xứ.

Chương 4: Thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại (CPTF)

Chương CPTF nhằm đảm bảo khả năng dự đoán, tính nhất quán và tính minh bạch trong việc áp dụng các luật và quy định hải quan, đồng thời thúc đẩy quản lý hiệu quả các thủ tục hải quan và thông quan hàng hóa nhanh chóng. Đối với các lô hàng chuyển phát nhanh và hàng hóa dễ hư hỏng, Hiệp định kỳ vọng rằng những hàng hóa này sẽ được thông quan trong vòng sáu giờ kể từ khi hàng hóa cập bến và nộp các tài liệu cần thiết. Bất chấp mức độ phát triển khác nhau của các Bên, Chương CPTF bao gồm một số yếu tố vượt ra ngoài Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại (TFA) của WTO. Mục tiêu của Chương này là đơn giản hóa các thủ tục hải quan và hài hòa hóa thủ tục hải quan với các tiêu chuẩn quốc tế. Chương CPTF cũng quy định các điều khoản tăng cường tạo thuận lợi thương mại như: văn bản xác định trước dựa trên phân loại thuế quan, quy tắc xuất xứ, định giá hải quan và thời gian ban hành văn bản xác định trước; khoảng thời gian thông quan hàng hóa (phạm vi có thể trong vòng 48 giờ kể từ khi hàng hóa cập bến và đã cung cấp thông tin cần thiết); cung cấp các biện pháp tạo thuận lợi thương mại bổ sung liên quan đến các thủ tục và quy trình nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh cho các nhà điều hành đáp ứng các tiêu chí cụ thể (nhà điều hành được ủy quyền); và một cách tiếp cận quản lý rủi ro để kiểm soát hải quan và kiểm toán sau thông quan. Nhận thấy rằng các Bên có mức độ sẵn sàng khác nhau khi thực hiện một số cam kết, đặc biệt là những cam kết vượt ra ngoài TFA, Chương này cho phép các quốc gia thực thi cam kết theo từng giai đoạn. Chi tiết về việc thực hiện cam kết theo giai đoạn được quy định trong Phụ lục của Chương này.

Chương 5: Các biện pháp vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)

Chương SPS đưa ra khuôn khổ cơ bản để phát triển, thông qua và áp dụng các biện pháp SPS nhằm mục đích bảo vệ đời sống hoặc sức khỏe con người, động vật, thực vật cũng như thuận lợi hóa thương mại bằng cách giảm thiểu các tác động tiêu cực của các biện pháp

SPS trong thương mại. Mặc dù các Bên đã khẳng định quyền và nghĩa vụ của mình theo Hiệp định WTO về Áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (Hiệp định SPS), một số điều khoản trong RCEP đã được thống nhất nhằm tăng cường việc thực hiện Hiệp định SPS, có tính đến các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế liên quan đến sự tương đương, thích ứng với các điều kiện khu vực, bao gồm các khu vực sạch sâu bệnh và khu vực ít dịch hại hoặc dịch bệnh, phân tích rủi ro, đánh giá, chứng nhận, kiểm tra nhập khẩu và các biện pháp khẩn cấp. Mục tiêu của Chương này nhấn mạnh tầm quan trọng của tính minh bạch, hợp tác và xây dựng năng lực, tham vấn kỹ thuật trong việc giải quyết các vấn đề SPS. Chương Giải quyết Tranh chấp không được áp dụng cho Chương này, dù vậy việc không áp dụng giải quyết tranh chấp phải được xem xét lại hai năm sau khi Hiệp định RCEP có hiệu lực.

Chương 6: Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Quy trình đánh giá sự phù hợp (STRACAP)

Chương STRACAP không chỉ hướng đến tăng cường việc thực hiện Hiệp định WTO về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (Hiệp định TBT) mà còn công nhận và chấp nhận sự cách hiểu chung về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp của mỗi bên, đồng thời tăng cường trao đổi thông tin và hợp tác trong lĩnh vực này. Các mục tiêu này sẽ đạt được thông qua các điều khoản: (i) công nhận vai trò quan trọng của các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế trong việc giảm bớt các rào cản kỹ thuật không cần thiết trong thương mại; (ii) đảm bảo rằng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp là nhất quán với các quy định liên quan của Hiệp định TBT; (iii) công nhận tầm quan trọng của việc cùng chấp nhận kết quả của các thủ tục đánh giá sự phù hợp; (iv) củng cố quá trình minh bạch hóa; và (v) thừa nhận sự hợp tác song phương hoặc đa phương cùng có lợi cho các bên. Tương tự như Chương SPS, Chương STRACAP cũng nhấn mạnh nhu cầu hợp tác, chỉ định các đầu mối liên hệ và thảo luận kỹ thuật để giải quyết các vấn đề triển khai liên quan đến việc thực hiện Chương này. Chương Giải quyết Tranh chấp không áp dụng cho Chương STRACAP, dù vậy việc không áp dụng giải quyết tranh chấp sẽ được xem xét lại hai năm sau khi Hiệp định RCEP có hiệu lực.

Chương 7: Phòng vệ thương mại

Chương Phòng vệ Thương mại bao gồm hai Phần: (i) Các Biện pháp Tự vệ; và (ii) Thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp. Mục Các biện pháp tự vệ cung cấp cho các Bên một cơ chế chuyển tiếp để giải quyết thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa gây ra bởi cam kết trong Hiệp định RCEP, tùy thuộc vào các điều kiện và yêu cầu được xác định rõ ràng, bao gồm cả việc thực hiện các cuộc điều tra thích hợp như cũng như thông báo sớm và đầy đủ cho các Bên liên quan về cơ hội tham vấn. Bên cạnh đó, Phần Các Biện pháp Tự vệ cũng tái khẳng định quyền và nghĩa vụ của các Bên được quy định trong Hiệp định về Biện pháp Tự vệ của WTO liên quan đến các biện pháp tự vệ toàn cầu. Mục Thuế Chống bán phá giá và Chống trợ cấp tái khẳng định và xây dựng dựa trên quyền và nghĩa vụ của các Bên được quy định theo các Hiệp định liên quan trong WTO. Chương này cũng bao gồm một Phụ lục về những hành động liên quan đến Thủ tục thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp được một số Bên thực hiện và có thể thúc đẩy các mục tiêu về minh bạch và đúng quy trình trong thủ tục phòng vệ thương mại. Mặc dù không Bên nào có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp theo Hiệp định RCEP đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo Mục thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp, việc áp dụng giải quyết tranh chấp đối với Mục này có khả năng sẽ được cân nhắc trong quá trình xem xét chung của Hiệp định RCEP.

Chương 8: Thương mại Dịch vụ

Chương Thương mại Dịch vụ nhằm mục đích mở ra các con đường lớn hơn cho thương mại dịch vụ giữa các Bên thông qua việc loại bỏ một cách đáng kể các biện pháp hạn chế và phân biệt đối xử ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ. Chương này bao gồm các điều khoản hiện đại và toàn diện bao gồm các quy tắc về tiếp cận thị trường, đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc và hiện diện thương mại, tuân theo Biểu cam kết cụ thể của các Bên hoặc Biểu các Biện pháp bảo lưu và Biện pháp không tương thích, cùng với các cam kết bổ sung. Theo quy định tại Chương này, các Bên phải lập danh sách các cam kết dịch vụ của mình theo phương thức tiếp cận “chọn-bỏ”, vào ngày Hiệp định RCEP có hiệu lực hoặc trong một khoảng thời gian xác định sau ngày Hiệp định RCEP có hiệu lực. Phương

thức tiếp cận “chọn-bỏ” đối với các cam kết dịch vụ theo Hiệp định RCEP mang lại sự chắc chắn hơn cho các nhà cung cấp dịch vụ của các Bên thông qua việc cung cấp thông tin về các biện pháp và quy định hiện hành của mỗi Bên. Chương này cũng bao gồm các quy định về tính hợp lý, khách quan và công bằng của các điều luật nội địa ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ, vượt ra ngoài các quy định tương đương trong các FTA ASEAN+1 hiện có.

Phụ lục về Dịch vụ Tài chính

Phụ lục về Dịch vụ Tài chính thúc đẩy tự do hóa các dịch vụ tài chính trong khu vực đồng thời cung cấp một biện pháp tự vệ an toàn chắc chắn, cho phép các cơ quan quản lý tài chính áp dụng các biện pháp để duy trì tính toàn vẹn và ổn định của hệ thống tài chính. Ngoài các nghĩa vụ được quy định trong Chương Thương mại Dịch vụ, Phụ lục quy định các nghĩa vụ cụ thể về việc cung cấp các dịch vụ tài chính, chẳng hạn như các nghĩa vụ để các bên đảm bảo tính minh bạch của các quy định tài chính, khuyến khích các Bên cho phép cung cấp các dịch vụ tài chính mới, và cam kết các Bên không ngăn cản việc chuyển giao thông tin và xử lý thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh thông thường. Phụ lục cũng cung cấp một phương thức tham vấn để thảo luận hoặc giải quyết các vấn đề liên quan đến dịch vụ tài chính.

Phụ lục về Dịch vụ Viễn thông

Phụ lục về Dịch vụ Viễn thông tạo ra một khuôn khổ các quy tắc thích hợp để kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng. Mặc dù tất cả các FTA ASEAN+1 hiện có với các đối tác riêng lẻ đều bao gồm Phụ lục về Dịch vụ Viễn thông, các nghĩa vụ bổ sung đã được đưa vào Hiệp định RCEP liên quan đến: (i) phương pháp tiếp cận với pháp luật, (ii) hệ thống cấp quang biển quốc tế, (iii) tách nhóm các phần tử mạng, (iv) khả năng tiếp cận các cực, các dây dẫn, (v) chuyển vùng di động quốc tế, và (vi) sự linh hoạt trong việc lựa chọn công nghệ, trong số những yếu tố khác. Các nghĩa vụ bổ sung này nhằm khuyến khích sự hợp tác lớn hơn theo hướng tăng cường xương sống của cơ sở hạ tầng CNTT-TT và hỗ trợ và tạo thuận lợi cho thương mại dịch vụ giữa các Bên.

Phụ lục về Dịch vụ Chuyên nghiệp

Phụ lục về Dịch vụ Chuyên nghiệp cung cấp một con đường cho các Bên để tạo điều kiện thuận lợi tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp trong khu vực. Phụ lục bao gồm triển vọng tăng cường đối thoại giữa hai hoặc nhiều Bên liên quan đến việc công nhận trình độ chuyên môn và khuyến khích các cơ quan liên quan đàm phán các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về trình độ chuyên môn, cấp phép hoặc đăng ký trong các lĩnh vực dịch vụ chuyên nghiệp mà các bên cùng quan tâm. Phụ lục cũng khuyến khích các Bên hoặc các cơ quan có liên quan hướng tới việc xây dựng các quy chuẩn và tiêu chuẩn nghề nghiệp được chấp thuận chung trong các lĩnh vực được chấp thuận chung, có thể bao gồm giáo dục; kiểm tra; kinh nghiệm; ứng xử và đạo đức; phát triển chuyên môn và tái chứng nhận; phạm vi hoạt động; kiến thức địa phương; và bảo vệ người tiêu dùng.

Chương 9: Di chuyển tạm thời về thể nhân(MNP)

Chương Di chuyển thể nhân đưa ra các cam kết tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của các thể nhân tham gia buôn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thực hiện đầu tư. Chương này và các lộ trình đính kèm đưa ra các cam kết đó (chẳng hạn như thời gian lưu trú), và bất kỳ điều kiện và giới hạn nào chi phối các cam kết đó. Chương này bao gồm các cam kết đối với khách kinh doanh, người chuyển giao trong nội bộ công ty và các đối tượng khác như được nêu rõ trong Biểu cam kết cụ thể của mỗi Bên. Chương này cũng thiết lập các quy tắc cho các Bên trong việc cấp phép nhập cảnh và lưu trú tạm thời như vậy, bao gồm cả việc xử lý nhanh chóng các đơn đăng ký hoàn chỉnh và đảm bảo rằng bất kỳ khoản phí nào được áp dụng là hợp lý, theo nghĩa là chúng không thể hiện sự cản trở không chính đáng đối với việc di chuyển tạm thời của các thể nhân được quy định trong Chương. Chương này cũng bao gồm các nghĩa vụ nâng cao tính minh bạch bao gồm công khai các tài liệu giải thích về tất cả các thủ tục nhập cảnh liên quan; duy trì các cơ chế để trả lời các câu hỏi về luật và quy định ảnh hưởng đến việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của các thể nhân, đồng thời tạo cơ hội để thảo luận hợp tác nhằm tạo thuận lợi hơn nữa cho việc nhập cảnh và tạm trú tạm thời.

Chương 10: Đầu tư

Chương Đầu tư nhằm tạo ra một môi trường đầu tư thuận lợi trong khu vực. Chương này bao gồm các điều khoản bao quát cả bốn trụ cột của lĩnh vực đầu tư - bảo vệ, tự do hóa, thúc đẩy và tạo thuận lợi. Các điều khoản này nâng cấp và tăng cường từ các Hiệp định thương mại tự do hiện có của ASEAN+1. Chương này bao gồm một điều khoản về đối xử tối huệ quốc và các cam kết về việc cấm các yêu cầu về hoạt động vượt quá nghĩa vụ đa phương của họ theo Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMS) của WTO. Chương này cũng bao gồm Biểu các Biện pháp Bảo lưu và Biện pháp không tương thích để hỗ trợ cho các cam kết đầu tư của các Bên, bằng phương pháp tiếp cận “chọn-bỏ”, cùng với cơ chế “giữ nguyên hiện trạng” (standstill) và “chỉ tiến không lùi” (ratchet). Cuối cùng, Chương này đã về cải thiện các điều khoản về tạo thuận lợi đầu tư đồng thời giải quyết vấn đề chăm sóc nhà đầu tư, chẳng hạn như hỗ trợ giải quyết các khiếu nại và khiếu kiện có thể phát sinh. Hiệp định RCEP cũng bao gồm một chương trình làm việc tích hợp về các điều khoản giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước.

Chương 11: Sở hữu trí tuệ

Chương Sở hữu trí tuệ cung cấp cách tiếp cận cân bằng và bao quát để bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong khu vực. Ngoài việc nêu rõ các điều khoản liên quan đến việc hài hòa hóa các biện pháp bảo vệ đối với bộ tiêu chuẩn của quyền sở hữu trí tuệ, Chương này quy định việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ vượt ra ngoài cấp độ của Hiệp định WTO về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS), bao gồm các điều khoản liên quan đến các biện pháp bảo vệ công nghệ (TPMs) và thực thi trong môi trường kỹ thuật số, cũng như các thủ tục hình sự và hình phạt thích hợp đối với việc sao chép trái phép tác phẩm điện ảnh ở quy mô thương mại. Để hỗ trợ các chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ, Chương này cũng bao gồm các điều khoản nhằm quy chuẩn hóa và điều chỉnh các thủ tục để thiết lập một số quyền sở hữu trí tuệ nhất định, chẳng hạn như các thủ tục liên quan đến nộp đơn điện tử và cung cấp thông tin liên quan trực tuyến. Chương cũng khẳng định quyền sử dụng đầy đủ các linh hoạt đã được công nhận hợp lệ

trong Tuyên bố Doha về Hiệp định TRIPS và Sức khỏe cộng đồng, đồng thời bao gồm các điều khoản liên quan đến Nguồn gen, Tri thức truyền thống và Văn hóa dân gian.

Chương 12: Thương mại điện tử

Nhận thức được sự gia tăng số hóa trong thương mại, các Bên đã đưa thêm vào Hiệp định một Chương về Thương mại điện tử (e-Commerce), nhằm mục đích thúc đẩy thương mại điện tử giữa các Bên và việc sử dụng rộng rãi thương mại điện tử trên toàn cầu, đồng thời tăng cường sự hợp tác giữa các Bên. Chương này đưa ra các điều khoản khuyến khích các Bên cải thiện quy trình đăng ký và quản lý thương mại bằng cách sử dụng các phương tiện điện tử. Chương này yêu cầu các Bên thông qua hoặc duy trì khuôn khổ pháp lý để tạo môi trường thuận lợi cho phát triển thương mại điện tử, bao gồm bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng thương mại điện tử và bảo vệ người tiêu dùng sử dụng thương mại điện tử. Chương Thương mại Điện tử cũng giải quyết một số vấn đề liên quan đến cơ sở dữ liệu, thông qua các quy định về vị trí của các cơ sở xử lý dữ liệu và chuyển giao thông tin xuyên biên giới bằng các phương tiện điện tử. Các Bên cũng nhất trí duy trì thông lệ hiện tại là không áp đặt thuế hải quan đối với các đường truyền điện tử, phù hợp với Quyết định của Bộ trưởng WTO. Trong trường hợp có bất kỳ khác biệt nào trong việc giải thích và áp dụng Chương này, các Bên nhất trí rằng trước tiên sẽ thực hiện các cuộc tham vấn với thiện chí và nỗ lực hết sức để đạt được một giải pháp thỏa đáng cho cả hai bên. Chương này hiện không thuộc đối tượng điều chỉnh của Giải quyết Tranh chấp và việc xem xét tổng thể Hiệp định RCEP sẽ cân nhắc việc áp dụng Giải quyết Tranh chấp đối với Chương này.

Chương 13: Cạnh tranh

Mục tiêu của Chương Cạnh tranh là thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường và nâng cao hiệu quả kinh tế và phúc lợi của người tiêu dùng. Chương này bao gồm các nghĩa vụ đối với các Bên trong việc thông qua hoặc duy trì các luật và quy định về cạnh tranh ngăn cấm các hoạt động chống cạnh tranh, thiết lập hoặc duy trì các cơ quan có thẩm quyền để thực thi luật cạnh tranh của mình, đồng thời công nhận quyền chủ quyền của mỗi Bên trong việc phát triển và thực thi các luật và chính sách cạnh tranh của riêng mình và cho phép

loại trừ hoặc miễn trừ dựa trên cơ sở chính sách công hoặc lợi ích công. Chương này quy định thêm về việc áp dụng các luật và quy định về cạnh tranh cho tất cả các chủ thể tham gia hoạt động thương mại. Chương này cũng bao gồm các điều khoản về trao đổi thông tin và cho phép phối hợp hành động thực thi. Chương này cũng cho phép các Bên thực hiện các hoạt động hợp tác kỹ thuật nhằm xây dựng năng lực cần thiết để củng cố việc xây dựng chính sách cạnh tranh và việc thực thi pháp luật cạnh tranh. Bảo vệ người tiêu dùng cũng được đề cập trong Chương này với các nghĩa vụ thông qua hoặc duy trì các luật và quy định trong nước để cấm các hành vi gây hiểu lầm, các mô tả sai hoặc dễ gây hiểu lầm trong thương mại; nâng cao nhận thức và khả năng tiếp cận các cơ chế khôi phục quyền lợi của người tiêu dùng; và hợp tác trong các vấn đề có cùng mối quan tâm liên quan đến bảo vệ người tiêu dùng. Không Bên nào có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp theo Hiệp định RCEP đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo Chương này.

Chương 14: Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs)

Các Bên thừa nhận rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bao gồm cả các doanh nghiệp siêu nhỏ, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, việc làm và đổi mới sáng tạo; từ đó tìm cách thúc đẩy chia sẻ thông tin và hợp tác nhằm tăng khả năng tận dụng và hưởng lợi của các doanh nghiệp vừa và nhỏ với các cơ hội do Hiệp định RCEP tạo ra. Chương này bắt buộc các Bên thúc đẩy chia sẻ thông tin liên quan đến RCEP có tác động đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng cách thiết lập và duy trì một nền tảng thông tin có thể truy cập công khai, sẽ chứa toàn bộ văn kiện của Hiệp định RCEP, các luật và quy định liên quan đến thương mại và đầu tư phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các thông tin liên quan đến kinh doanh khác hữu ích cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để được hưởng lợi từ Hiệp định RCEP. Chương này cũng nhằm mục đích tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực thương mại điện tử, quyền sở hữu trí tuệ, tiếp cận thị trường và đổi mới sáng tạo, và một số lĩnh vực khác

Chương 15: Hợp tác kinh tế và kỹ thuật

Chương ECOTECH cung cấp một khuôn khổ để hiện thực hóa khía cạnh phát triển của Hiệp định RCEP. Các Bên nhất trí rằng hợp tác kinh tế và kỹ thuật trong khuôn khổ RCEP nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển và tối đa hóa lợi ích chung giữa các Bên. Hợp tác kinh tế và kỹ thuật theo Chương này sẽ hỗ trợ việc triển khai và tận dụng Hiệp định RCEP một cách toàn diện và hiệu quả. Các Bên đã đồng ý tìm hiểu và thực hiện các hoạt động hợp tác kinh tế và kỹ thuật tập trung vào thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, cạnh tranh, doanh nghiệp vừa và nhỏ, và một số lĩnh vực khác theo sự đồng thuận của các Bên. Các hoạt động nâng cao năng lực và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các Bên là nước đang phát triển và các Bên ở nước kém phát triển nhất sẽ được ưu tiên, nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và tăng cường khả năng tiếp cận thông tin của doanh nghiệp.

Chương 16: Mua sắm công

Hiện nay không có FTA ASEAN+ nào có chương về mua sắm công. Trong Hiệp định RCEP, các Bên đã công nhận vai trò của mua sắm công trong việc thúc đẩy hội nhập kinh tế của khu vực nhằm thúc đẩy tăng trưởng và việc làm. Chương Mua sắm công không chỉ nhằm mục đích thúc đẩy tính minh bạch của luật pháp, quy định và thủ tục mà còn để phát triển sự hợp tác giữa các Bên. Mỗi Bên sẽ công bố thông tin về mua sắm công trong Phụ lục của Chương này phù hợp với mục tiêu thúc đẩy minh bạch trong mua sắm công. Chương này cũng bao gồm một điều khoản đánh giá nhằm cải thiện nội dung Chương trong tương lai để tạo thuận lợi cho hoạt động mua sắm công. Không Bên nào có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp theo Hiệp định RCEP đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo Chương này.

Chương 17: Các ngoại lệ và các điều khoản chung

Chương Ngoại lệ và các điều khoản chung bao gồm các điều khoản chung áp dụng trong phạm vi của Hiệp định RCEP. Các điều khoản chung này bao gồm các nghĩa vụ liên quan đến tính minh bạch đối với luật, quy định, thủ tục và quy định hành chính của mỗi Bên áp

dụng chung đối với các vấn đề được quy định trong Hiệp định RCEP. Chương này tạo ra một cơ chế xem xét và kháng nghị thích hợp đối với các thủ tục hành chính của mỗi Bên và cung cấp bảo mật thông tin. Chương này cũng thiết lập phạm vi địa lý áp dụng của Hiệp định RCEP; khẳng định quyền và trách nhiệm của các Bên theo Công ước Đa dạng Sinh học; cam kết các Bên thực hiện các biện pháp thích hợp, theo luật và quy định của họ, để ngăn ngừa và chống tham nhũng liên quan đến các vấn đề được quy định trong Hiệp định RCEP. Chương này quy định rằng quyết định về việc có phê duyệt hoặc chấp nhận một đề xuất đầu tư nước ngoài hay không và việc thực thi bất kỳ điều kiện hoặc yêu cầu nào đối với việc phê duyệt hoặc chấp nhận đó sẽ không phải là đối tượng giải quyết tranh chấp theo Hiệp định RCEP.

Với mục đích của các Chương có liên quan, Chương này lồng ghép vào Hiệp định RCEP các ngoại lệ chung có trong Điều XX của GATT 1994 và Điều XIV của GATS. Các bên cũng có thể thực hiện hành động hoặc các biện pháp mà họ cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu. Đối với các biện pháp đánh thuế, Hiệp định RCEP chỉ trao quyền hoặc áp đặt các nghĩa vụ trong phạm vi Hiệp định WTO và Điều khoản về Chuyển giao trong Chương đầu tư trao quyền hoặc áp đặt các nghĩa vụ đối với các biện pháp thuế quan đó. Chương này cũng cho phép một Bên áp dụng các biện pháp nhất định nếu họ có cân cân thanh toán bị thâm hụt nghiêm trọng và gặp khó khăn tài chính quốc tế hoặc bị đe dọa bởi các nguy cơ trên.

Chương 18: Các điều khoản về thể chế

Chương Điều khoản về Thể chế thiết lập các cơ cấu tổ chức cho Hiệp định RCEP và khuôn mẫu cho các cuộc họp của các Bộ trưởng RCEP, Ủy ban hỗn hợp RCEP, bốn Ủy ban, cụ thể là về Hàng hóa; Dịch vụ và Đầu tư; Tăng trưởng bền vững; và Môi trường Kinh doanh, và các cơ quan trực thuộc khác do Ủy ban hỗn hợp RCEP thành lập. Ủy ban hỗn hợp RCEP được thành lập để xem xét mọi vấn đề liên quan đến việc thực thi và vận hành của Hiệp định RCEP. Ủy ban hỗn hợp RCEP cũng báo cáo lên các Bộ trưởng RCEP và nếu thích hợp, có thể chuyển các vấn đề lên các Bộ trưởng RCEP để được xem xét và quyết định.

Chương 19: Giải quyết tranh chấp

Chương Giải quyết Tranh chấp nhằm cung cấp các quy tắc và thủ tục hiệu quả và minh bạch để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong khuôn khổ Hiệp định RCEP. Các đặc điểm nổi bật của quy trình giải quyết tranh chấp của RCEP bao gồm: (i) lựa chọn diễn đàn: các điều khoản cho phép Bên khiếu nại được lựa chọn diễn đàn để giải quyết tranh chấp, cân nhắc đến các quyền và nghĩa vụ về cơ bản là tương đương trong Hiệp định RCEP và một hiệp định thương mại hoặc đầu tư quốc tế khác mà các Bên trong tranh chấp là thành viên, loại trừ các diễn đàn có thể có khác; (ii) tham vấn: các điều khoản yêu cầu Bên bị khiếu nại trước tiên phải tham gia tham vấn với Bên khiếu nại, nếu được yêu cầu; (iii) thương lượng, trung gian hoặc hòa giải: các điều khoản cho phép các Bên là bên tranh chấp tự nguyện thực hiện các phương pháp thay thế tự nguyện để giải quyết tranh chấp của họ; (iv) thành lập ban hội thẩm: các điều khoản cho phép Bên khiếu nại yêu cầu thành lập ban hội thẩm để giải quyết tranh chấp trong trường hợp Bên bị khiếu nại không trả lời yêu cầu tham vấn hoặc không tham gia tham vấn trong thời hạn quy định, hoặc khi các cuộc tham vấn không giải quyết được tranh chấp trong thời hạn quy định; và (v) quyền cho các bên thứ ba quan tâm: các điều khoản cho phép các bên thứ ba quan tâm được tham gia vào các tranh chấp và quan điểm của họ sẽ được xem xét trong quá trình của ban hội thẩm. Chương này cũng bao gồm các điều khoản chi tiết về chức năng của ban hội thẩm, thủ tục của ban hội thẩm, việc thực hiện báo cáo cuối cùng của ban hội thẩm, thủ tục đánh giá tuân thủ, bồi thường và tạm dừng nhượng bộ và một số nghĩa vụ khác. Một điều khoản quan trọng khác trong Chương này là một điều khoản về Đối xử đặc biệt và khác biệt liên quan đến các Bên kém phát triển nhất, theo đó Bên khiếu nại có nghĩa vụ kiềm chế thích đáng trong việc nêu ra các vấn đề theo Chương này khi một Bên là nước kém phát triển có liên quan.

Chương 20: Các điều khoản cuối cùng

Chương Các điều khoản cuối cùng đưa ra mối quan hệ giữa Hiệp định RCEP và các hiệp định quốc tế khác, cơ chế rà soát chung, thủ tục sửa đổi Hiệp định và điều khoản gia nhập. Hiệp định RCEP mở cửa cho bất kỳ Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ hải quan riêng biệt nào

gia nhập bắt đầu từ 18 tháng sau khi có hiệu lực, tuy nhiên Hiệp định này mở cửa cho phép Ấn Độ gia nhập, với tư cách là Quốc gia đàm phán ban đầu, ngay từ ngày Hiệp định có hiệu lực, mà không cần đợi 18 tháng. Chương này cũng chỉ định một Cơ quan lưu chiểu cho Hiệp định RCEP sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc tiếp nhận và phổ biến các tài liệu cho từng Quốc gia ký kết và Quốc gia gia nhập hoặc lãnh thổ hải quan riêng biệt, bao gồm bất kỳ thông báo, yêu cầu gia nhập và các văn kiện chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập. Điều khoản về Thời điểm có hiệu lực quy định rằng Hiệp định RCEP sẽ cần các Quốc gia ký kết, bao gồm ít nhất sáu quốc gia ASEAN và ba quốc gia không thuộc ASEAN, gửi văn kiện phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt để Hiệp định RCEP có hiệu lực.